

TƯ LIỆU



DÂN TỘC HỌC

TỤC LỆ CƯỚI XIN CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở XÓM ĐA, XÃ TÂN MỸ, HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÀ BÌNH

NGUYỄN THẨM THU HÀ

Dân tộc Mường là tộc người có nền văn hoá từ lâu đời, trong tiến trình phát triển bản sắc văn hóa tộc người được sàng lọc, tích tụ hàng ngàn năm lịch sử với nhiều giá trị tốt đẹp. Tục cưới xin của người Mường là một trong những nét đẹp văn hoá có ảnh hưởng rất lớn và sâu sắc đến sự hình thành, phát triển gia đình, dòng họ, trong đó chứa đựng nhiều phong tục tập quán, luật tục, những chuẩn mực, những quy định về hôn nhân.

Để góp thêm tư liệu cho việc tìm hiểu tục cưới xin của người Mường, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu trường hợp ở xóm Đa, thuộc xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Xóm Đa có diện tích 1,2 km², phía Bắc tiếp giáp với xóm Lào (xã Ân Nghĩa), phía Nam giáp xóm Song (xã Tân Mỹ), phía Đông giáp xóm Ngheo (xã Tân Mỹ), phía Tây giáp xóm Khí (xã Tân Mỹ). Đây là một trong những xóm có số người Mường cư trú đông nhất trong xã và lưu giữ được nhiều nét văn hoá truyền thống của người Mường. Xóm Đa có 158 hộ, với 492 nhân khẩu, gồm hai dân tộc: Mường và Kinh. Trong đó người Mường chiếm 90% và là cư dân bản địa cư trú ở đây từ lâu đời; người Kinh chiếm tỷ lệ không đáng kể (10%), chủ

yếu di cư từ Hà Nam, Nam Định, Hà Tây đến sinh sống trong những năm gần đây¹. Các tục lệ cưới xin được trình bày trong bài thuộc xã hội truyền thống - trước năm 1954.

1. Quan niệm về cưới xin

Người Mường ở xóm Đa thường có câu “*con cả phải gả ông*”, nghĩa là con cái lớn lên đến tuổi lấy vợ, lấy chồng để bố mẹ khi về già có người trông cậy. Như vậy, người Mường ở đây quan niệm cưới xin là quá trình thực hiện nghi lễ dựng vợ gả chồng cho con cái mình khi đến tuổi trưởng thành. Bởi vậy, nam, nữ thanh niên Mường trước kia thường kết hôn ở độ tuổi 16-17. Đây là lứa tuổi thích hợp nhất vì khi đó ông bà có sức khoẻ chăm sóc con cháu và khi về già sẽ có cháu đỡ đần. Trước đây, kết hôn còn xuất phát từ nhu cầu muốn có thêm nhân lực để sản xuất.

Cưới xin cũng là để sớm có cháu nối dõi tông đường; gia đình có con cháu đông đúc là phúc lớn. Đặc biệt, do ảnh hưởng của xã hội phong kiến nên sinh con trai là một yêu cầu hàng đầu của mỗi đôi vợ chồng, nhất là đối với con trai trưởng. Đây là quan niệm phổ biến ở hầu hết các tộc người, không chỉ riêng tộc người Mường.

¹ Số liệu thống kê của xã Tân Mỹ năm 2005.

2. Một số quy tắc cơ bản trong cưới xin

Đối với người Mường ở xóm Đa, chế độ hôn nhân một vợ, một chồng được thiết lập từ lâu đời. Người Mường ở đây không chấp nhận chuyện vợ cả, vợ lẽ; nếu có chuyện đó sẽ bị làng xóm chê bai, khinh miệt, coi là người không đứng đắn. Tuy nhiên trong xã hội cũ, khi chế độ nhà lang vẫn tồn tại, theo tập quán, lang được lấy nhiều thiếp bởi quyền lực tập trung trong tay của nhà lang [Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên), 2003].

Không chỉ đối với người Mường ở xóm Đa mà người Mường ở các vùng khác đều phải tuân theo nguyên tắc ngoại hôn rất nghiêm ngặt. Cụ thể là những người cùng dòng họ, thậm chí xa nhau đến mấy đời cũng không được lấy nhau. Nguyên tắc này rất ít người vi phạm vì họ được bố mẹ, họ hàng dạy bảo từ lúc còn nhỏ. Ở người Mường có câu thành ngữ: “Anh em chín đời còn hơn người dung”. Các thành viên trong cùng một dòng họ tính theo trục hệ nếu lấy nhau sẽ bị dư luận lên án và bị xử lý theo luật tục. Họ cho rằng, những người cùng dòng họ lấy nhau thì con cái không được lành lặn và phạm tội loạn luân, sẽ bị đuổi ra khỏi dòng tộc.

Ngay trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường, người xưa cũng đã lên án hôn nhân cùng huyết thống. Đó là trường hợp Cùn Cản quyết định lấy em gái. Phản đối cuộc hôn nhân này, dân làng mường trên mường dưới tìm mọi cách can ngăn, thậm chí vua trời và các thần linh cũng nổi giận và giáng họa (xem thêm: Đặng Văn Nung và cộng sự, 1988). Lâu nay nguyên tắc ngoại hôn dòng họ vẫn chi phối quan hệ

hôn nhân người Mường. Trong chế độ nhà lang, chỉ những người trong các dòng họ lớn như Đinh, Quách, Bạch, Hoàng mới được lấy nhau, còn họ Bùi không được lấy con cái dòng họ lớn này [Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên), 2003]. Quy tắc này cho ta thấy sự phân biệt đẳng cấp rất rõ nét. Điều này cũng thấy rõ trong quy tắc cưới xin của người Dao, trong khi ở dân tộc Tày, Nùng... quy tắc này chỉ áp dụng trong vòng 3 đời.

Sau khi cưới, theo quy tắc chung, người Mường cư trú bên nhà chồng vì họ quan niệm lấy chồng phải theo chồng. Hơn nữa, trong chế độ phụ quyền, con trai được cho là trụ cột trong gia đình, nên rất ít trường hợp đi ở rể, trừ trường hợp nhà trai khó khăn về kinh tế. Còn nhà gái, họ luôn có tư tưởng cho con đi làm dâu, chỉ trường hợp nhà gái không có con trai để lo hương hỏa, thờ cúng tổ tiên thì họ mới yêu cầu con trai ở rể.

Trước đây ở người Mường phần lớn các cặp vợ chồng thuộc một thành phần dân tộc, nghĩa là hôn nhân với người đồng tộc. Ngày nay trong quan hệ hôn nhân ở người Mường có những biến đổi, đã xuất hiện hôn nhân hỗn hợp dân tộc. Theo điều tra năm 2005, xóm Đa có 20 cặp chồng Việt vợ Mường, 11 cặp chồng Mường vợ Việt.

Hôn nhân của người Mường có tính chất mua bán. Ở người Mường, một cuộc hôn nhân thường trải qua nhiều giai đoạn, với nhiều nghi lễ phức tạp, tiêu tốn nhiều tiền của. Việc thách cưới khá nặng nề, ngoài những đòi hỏi của nhà gái về lương thực, thực phẩm, đồ dùng cá nhân thì sự tiêu tốn về tiền bạc cũng khá lớn. Xưa kia không ít các chàng trai vì gia đình nghèo không lo đủ

các khoản chi phí đành cam chịu chia tay với người mình yêu:

“Không lấy được em
 Không phải chê em xấu, em nghèo
 Mà tại tiền cheo, trâu cưới”
 (Hoàng Anh Nhân, 1986).

Do tính chất mua bán đã can thiệp trực tiếp vào các cuộc hôn nhân nên người phụ nữ được coi như một món hàng, một vật trao đổi. Khi người phụ nữ đi lấy chồng, nhà gái mất đi một lao động, bù lại nhà trai phải trả cho nhà gái một số của cải ngang giá. Do tính chất mua bán của hôn nhân và luật tục quy định nghiêm ngặt nên việc ly dị ít xảy ra trong xã hội Mường.

3. Tiêu chí chọn vợ, chọn chồng

Cũng như dân tộc Mường nói chung, cộng đồng người Mường ở xóm Đa nói riêng, hôn nhân của con cái trước kia là do cha mẹ sắp đặt. Hiện nay hôn nhân của họ hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện; các đôi lứa có thể tự do tìm hiểu bạn đời. Trong quan niệm của người Mường, tiêu chuẩn của một người chồng lý tưởng là có sức khỏe, cày bừa thành thạo và biết đan lát các dụng cụ gia đình, biết chăm lo cho gia đình. Người Mường có câu “Con trai để rào hồng, đậu nát là con trai hư”. Khi kén rể, người ta còn xem xét đến gốc gác gia đình, tránh những nhà có tiếng xấu và có các loại bệnh di truyền.

Còn khi chọn vợ, trai Mường thường chọn những cô gái chịu khó, chăm chỉ làm ăn, nói năng nhẹ nhàng, biết làm các công việc đồng áng, biết khâu thùa dệt vải, thành thạo các công việc nội trợ và đối xử lễ phép với bố mẹ, anh chị, họ hàng, làng xóm. Sắc đẹp chỉ là một trong những tiêu chuẩn.

Người Mường quan niệm người vợ lý tưởng là phải nét na, chăm làm nên khuyên “đừng tham nón rẻ mà đội trời mưa, đừng tham người đẹp mà thua việc làm”. Ngoài ra, để chọn một người con dâu trưởng, họ phải chọn những người am hiểu các tục lệ, lễ nghi, nhanh nhẹn, giao tiếp tốt. Như vậy, họ đề cao cái “nét” ở người phụ nữ chứ không tôn vinh vẻ đẹp bên ngoài.

Tất cả những tiêu chí đó cho thấy cách nhìn và quan niệm về cái đẹp của họ không đơn thuần mà là tổng thể từ nhiều yếu tố. Đó cũng là những điểm để người con gái cuốn hút sự để ý của người con trai và ngược lại nó trở thành mầm mống cho tình yêu của họ. Chính những tiêu chí làm cho người con của bản Mường ngày một hoàn thiện về mình hơn nên những người con gái được nhà con trai chọn luôn là niềm tự hào.

4. Tục lệ trước khi cưới

4.1. Chọn người làm mối (chọn mợ)

Sau khi nhà trai đã ưng ý cô gái về làm dâu con trong nhà thì nhà trai sẽ chọn một người - không phân biệt là trai hay gái - có uy tín, khéo ăn nói, được dân làng kính trọng, gia đình hạnh phúc và đầy đủ vợ chồng, con trai, con gái để làm mối (*mợ*). Hơn nữa, người Mường quan niệm rằng trai gái nên vợ nên chồng và sau này con đàn cháu đống hay không là nhờ sự giúp đỡ tận tình của *mợ*. Vậy nên, thành ngữ Mường có câu: “Com ngon vì tiếng, miếng tốt vì mợ”. Chính bởi tầm quan trọng của *mợ* nên *mợ* luôn hiện diện trong các nghi thức, nghi lễ của đám cưới Mường, thậm chí mối quan hệ giữa *mợ* và đôi vợ chồng do *mợ* làm mối còn được duy trì mãi về sau (xem thêm: Nguyễn Thị Song Hà, 2010, tr. 39-42).

4.2. Lễ dạm ngõ, hỏi thăm (mờ miêng)

Sau khi thăm dò ý kiến và được sự nhất trí của nhà gái thì việc đầu tiên là nhà trai sang thăm hỏi nhà gái. Trong ngày này, người làm mỗi (mờ) đem theo một chai rượu gạo ngon, trầu cau, bánh *búng* (gạo nếp được trải đều trên tàu lá chuối, đậu xanh đã được giã nát và luộc chín, rồi cuộn tròn thành hình sừng bò) đến nhà gái để chính thức ngõ lời cho đôi bạn trẻ được thành hôn. Mờ và nhà gái đã nói chuyện, trao đổi với nhau về đôi trẻ.

Sau khi thống nhất cho đôi trẻ lấy nhau, mờ được mời lại ăn cơm, uống rượu và bàn bạc định ngày đặt vấn đề (*kháo tiếng*).

4.3. Đặt vấn đề (*kháo tiếng*)

Đến ngày đã định, để bàn chuyện xây dựng gia đình cho đôi bạn trẻ, nhà trai và mờ mang lễ vật sang nhà gái đặt vấn đề, lễ vật gồm: bốn chai rượu trắng, bốn chai rượu đỏ (với hàm ý rượu trắng biểu hiện cho người con trai, rượu đỏ là biểu hiện cho người con gái)², mười hai bánh chưng không nhân và không có muối (ý nghĩa của bánh chưng không nhân là sự biểu hiện trình tiết của người con gái, được hiểu con gái trong trắng như bánh chưng, còn không muối vì quan niệm muối mặn thì sau này hai họ ghét nhau như chà sát muối vào lòng), hai gói chè, hai gói bánh, hai mươi quả cau, hai mươi lá trầu.

Nhà gái nhận lễ vật và đặt lên bàn thờ tổ tiên ba ngày, nếu trong ba ngày nhà gái không trả lại lễ vật của nhà trai thì khi đó hai gia đình trở thành thông gia. Sở dĩ phải chờ ba ngày nhà gái mới trả lời vì theo tập quán, bố của cô gái phải nằm nghe trong ba đêm nếu không thấy tiếng hươu giác, vượn kêu, gà gáy dờ... thì mới coi là được, nghĩa là

không có điềm gỡ, điềm xấu. Mặt khác, họ cũng muốn tham khảo ý kiến gia đình, họ hàng, làng xóm về người con trai, xem có đủ tiêu chuẩn không. Nếu không có dư luận gì xấu thì lễ vật được đem xuống mời họ hàng. Từ đó hai nhà đi lại thăm hỏi nhau và tùy theo điều kiện từng gia đình mà lễ ăn hỏi được tiến hành sớm hay muộn.

4.4. Lễ ăn hỏi (ti nôm)

Lễ ăn hỏi của người Mường gồm năm bước:

Bước một, nhà trai chuẩn bị một lễ nhỏ sang nhà gái để xin ngày. Lễ vật gồm: một con cá chép (để mong đôi bạn trẻ may mắn và suôn sẻ), mười bốn chiếc bánh chưng không nhân, không muối, bốn chai rượu. Sau khi đưa lễ vật đến, người làm mỗi dùng bữa cơm thân mật với gia đình nhà gái và hai bên quyết định chọn ngày ăn hỏi chính thức.

Bước hai, nhà trai sang nhà gái và mang theo lễ vật gồm bốn chai rượu, 14 cái bánh chưng (không nhân, không muối), 40 quả cau, 40 lá trầu để bàn bạc, trao đổi về tổ chức đám cưới cho đôi trẻ.

Bước ba, nhà trai làm cơm cúng tổ tiên và mời họ hàng đến để báo tin vui của gia đình và cũng để nhận sự giúp đỡ trong ngày cưới. Đến giờ đã chọn, nhà trai gồm người làm mỗi và em ruột hoặc em họ chú rể khoảng từ sáu đến tám người đem lễ vật sang nhà gái. Lễ vật gồm có: 1 con lợn khoảng 20 kg, trầu, cau, thuốc lá, 2 chai rượu (1 chai rượu trắng, 1 chai rượu đỏ), tiền "*voóng thiếng*" (nhận lời)³. Đây là số tiền

³ Tiền *vóng thiếng* là tiền đưa đánh tiếng để đặt tên gọi mới cho đôi bạn trẻ, ví dụ, ở bên nhà trai, người con dâu nếu lấy người con trai trưởng thì gọi là "mạng cả", nếu lấy người con trai tiếp theo thì gọi là "mạng hai" và cứ thế như vậy, bên nhà gái cũng tương tự, tức là bên nhà gái cũng gọi con rể mình là rể cả, rể hai...

² Người Mường ở xóm Đa thường gọi con gái khi đến tuổi lấy chồng là "*rao tở*" (nghĩa là rượu đỏ).

bắt buộc phải có và không được thay bằng lễ vật khác, bởi đây là số tiền nhận lời cho đôi bạn trẻ thành vợ, thành chồng, nếu không có số tiền đó đồng nghĩa với sự không đồng tình của gia đình trong cuộc hôn nhân này. Số tiền ấy được nhà gái mua bánh kẹo, chè, thuốc, rượu mời mọi người trong họ hàng với hàm ý thông báo con gái nhà mình đã có nơi, có chốn. Nó còn biểu hiện cho lời cảm ơn của nhà trai đối với gia đình họ hàng nhà gái đã nuôi dạy con dâu họ khôn lớn, nên người.

Trong đoàn sang nhà gái, *mở đi đầu tiên* và mọi người kiêng lễ vật theo sau. Khi bước ra cổng, họ kiêng gặp con gái vì quan niệm rằng con gái có “*vía độc*” sẽ làm cho lễ ăn hỏi không may mắn. Vì vậy, trước khi xuất hành, họ cử một bé trai ra chơi ở ngoài cổng để lấy may mắn. Khi nhà trai đem lễ vật đến, đại diện nhà gái (thường là bác trai hoặc chị/ em ruột của bố) ra đón lễ vật và mời nhà trai vào nhà uống nước, ăn cơm.

Bước bốn, sau bữa cơm thân mật, *mở* và đại diện nhà gái trao đổi việc ăn hỏi (*nòm cá*) của bên nhà gái. Lễ vật ăn hỏi lần bốn gồm: Lợn, rượu, gạo, trâu, cau, bánh chưng, bánh dày... tùy theo yêu cầu của nhà gái. Thông thường nhà gái yêu cầu 10 chai rượu, 14 bánh chưng không nhân, một con lợn khoảng 40 kg, 4 con gà, vài gánh xôi, bánh dày, trâu, cau, thuốc lá. Như vậy trong lễ vật và cả số người đi sang nhà gái hay trai của người Mường ở đây đều là số chẵn vì họ quan niệm con số chẵn là con số trọn vẹn, có đôi, biểu hiện cho sự may mắn, còn số lẻ biểu hiện cho sự mất mát, rủi ro. Đặc biệt con số 4 xuất hiện rất nhiều, điều này ta có thể hiểu: Con số 4 trong các con số 2, 4, 6, 8 là con số trung hoà và biểu hiện cho sự hài hoà giữa việc thách cưới của hai gia đình. Bởi nếu là con số 2 thì hạ thấp giá trị của

con gái, còn con số 6, 8 thì cao quá, tạo sức ép cho nhà trai. Có thể hiểu như vậy vì thực chất cưới xin của người Mường mang đậm chất mua bán. Ngoài những lễ vật trên, nhà gái có thể thách cưới cả trâu, bò. Đặc biệt con gái nhà lang đi lấy chồng, nhà trai phải có 9 con trâu, 1 con bò, một số nôi đồng, rượu, lợn, vòng bạc...⁴ Trong lễ này, các thứ mang đến nhà gái được sử dụng hết, biểu người làm mỗi một số lễ vật với hàm ý trả công và cảm ơn. Riêng gánh bánh dày để hai chiếc dày to cho bố mẹ và trưởng họ, còn lại chia theo ngôi thứ, cắt hai, cắt ba, cắt tư.

Bước năm là hẹn ngày. Lễ vật cho lần này rất đơn giản, chỉ gồm 4 chai rượu. *Mở* cùng đại diện nhà trai đến nói chuyện với nhà gái và hẹn ngày tổ chức đám cưới. Hai gia đình thống nhất với nhau giờ đi khách và giờ rước dâu.

Phải ba năm sau lễ ăn hỏi, lễ cưới chính thức mới được cử hành. Trong ba năm đó, hai bên đi lại giúp đỡ nhau trong những ngày mùa màng. Thời gian chờ đợi này, người con gái phải trồng bông, dệt vải để chuẩn bị cho ngày cưới. Ở đây có đặc điểm chung là trong nghi lễ cưới xin của người Mường luôn là con số 3: 3 ngày (trong lễ dạm ngõ), 3 năm sau lễ ăn hỏi. Điều này có thể hiểu theo ý con số 3 là con số lẻ biểu hiện cho điều xấu, nghĩa là số 3 là sự lẻ loi, không trọn vẹn. Đồng nghĩa với điều đó tức là nhà gái muốn thử thách đối với chàng trai. Người Mường gọi thời gian này là ăn công con, tức là con rể tương lai vào các dịp lễ, tết có quà mang biếu bố mẹ vợ tương lai với mục đích trả công nuôi dưỡng cô gái trưởng thành. Nên vào các dịp lễ cơm mới, nhà trai mang lễ sang nhà gái. Lễ gồm có: một đôi gà

⁴ Trích theo lời kể của bà Bùi Thị Lành, xóm Đa, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

(một trống, một mái - thể hiện cho sự đầy đủ với mong ước đôi trai gái thành vợ thành chồng), hai chai rượu (một màu đỏ, một màu trắng), 20 kg gạo (10 kg gạo nếp, 10 kg gạo tẻ), 14 cái bánh chưng và 14 con cá. Những lễ vật này hàm ý chúc gia đình nhà gái có một năm suôn sẻ, may mắn, mùa màng thuận lợi, bội thu.

Nếu người con trai không tuân thủ theo tục lệ này thì coi như hai bên huỷ hôn. Còn nhà gái, để đáp lại, thường cho cô gái sang biếu bố mẹ chồng tương lai những sản phẩm dệt (như gối, đệm) do tự tay mình làm ra.

Sau ba năm, khi nhà trai chọn được ngày lành tháng tốt thì người làm mối mang lễ sang nhà gái xin cưới. Hôm đó, nhà gái sẽ thách cưới. Lúc này, vai trò của *mờ* rất quan trọng và ý kiến của *mờ* có phần quyết định trong lễ cưới. Vì vậy, thái độ của *mờ* phải rất nhã nhặn sao cho bên nhà gái vui vẻ thoải mái, bên nhà trai cũng cảm thấy không nặng nề. Sau khi thống nhất giữa hai gia đình, lễ cưới chính thức được tiến hành.

5. Tục lệ khi cưới

Theo tập quán, đám cưới được tổ chức ở cả hai gia đình cùng ngày và kéo dài từ hai đến ba ngày; trước đây con gái nhà lang kéo dài năm đến bảy ngày.

5.1. Tục lệ cưới bên nhà gái

Ngày đầu tiên là ngày nhà trai đưa lễ vật thách cưới sang. Nhà gái mời những người già trong họ đến bô cau, têm trầu. Ngày này, tất cả anh em, họ hàng được mời đến và giao việc. Đây là ngày nhà gái phải chuẩn bị kỹ càng về thủ tục, lễ nghi để sẵn sàng cho ngày cưới chính.

Nếu nhà trai và nhà gái cùng một xóm thì tối hôm đó thanh niên bên nhà trai sang

giao lưu với thanh niên bên nhà gái. Đây là dịp tốt để hát giao duyên, đối đáp, hát ví, hát mời trầu, *thường rang*, *bộ mệng*... và nhạc cụ chủ yếu là sáo, nhị; tất cả đều vang lên sôi nổi như những cuộc sinh hoạt văn nghệ truyền thống.

Trong ngày cưới chính thức, người Mừng tự làm những mâm cỗ mời khách. Sau khi khách đến dự đã ăn cơm xong và ra về, nhà gái dọn dẹp, bày bàn nước, thuốc lá, trầu cau để chuẩn bị đón khách nhà trai sang đón dâu. Bên nhà gái cử hai ông bà có tuổi trong họ ra đón đoàn nhà trai. Đúng giờ tốt, đoàn nhà trai gồm có *mờ*, ông và bà có tuổi trong hai họ nhà trai, anh, em ruột, anh, em họ cùng bạn bè chú rể, phù rể sang bên nhà gái.

Tới cổng nhà gái, giàn công im tiếng, bạn bè của cô dâu đã trải sẵn một chiếc chiếu giữa lối vào nhà. *Mờ* đem một chai rượu cùng coi trầu đến xin nhà gái mở lối cho đoàn đi đón dâu được vào nhà, người ta tổ chức hát đối nam nữ cho tới khi nhà gái vui lòng nhường lối. Từ hai bên đường bạn bè của cô dâu ném tới tấp những nắm bã rượu cần vào đoàn người đi đón dâu. Nếu nhà trai có nhiều người bắn quần áo thì bên nhà gái càng vui vẻ, người Mừng cho rằng làm như thế sau này vợ chồng chung sống sẽ hạnh phúc. Sau đó, đoàn nhà gái xuống sân ra tận ngõ chào hỏi, đón tiếp, đỡ lấy tất cả các lễ vật rồi mời đoàn nhà trai lên nhà. Đồ lễ đặt ngay ngắn phía trên gần "*cửa voóng*" (cửa chính) dựa sát chân bàn thờ, con lợn bỏ dưới sàn.

Khách nam nhà trai ngồi gian ngoài, khách nữ ngồi gian trong, vị trí và thứ tự ngồi như trong lễ ăn hỏi. *Mờ* cùng các thành viên nhà trai đứng dậy nói lời chào hỏi và cảm ơn gia đình nhà gái đã gả con gái cho

gia đình họ. Bên nhà gái cũng đứng dậy đáp lễ, cảm ơn lại nhà trai. Tiếp đến, đoàn nhà trai dự bữa cơm thân mật cùng nhà gái. Sau bữa cơm, đến giờ tốt đã chọn thì nhà trai xin dâu về. Cô dâu và chú rể đến bàn thờ lạy vái tổ tiên ba lạy, đặc biệt, họ còn phải lạy hết những người lớn tuổi hơn trong họ hàng nhà gái và nhận những lời chúc và tiền mừng cưới từ những người này. Nghi thức đó như để giới thiệu chú rể với họ hàng nhà cô dâu. Từ đây, chú rể được coi như con cái trong nhà và anh phải biết quan tâm, chăm sóc tới họ hàng bên vợ để tỏ lòng biết ơn của mình.

Khi làm lễ xong, cô dâu mặc trang phục đẹp nhất. Bộ váy cô dâu Mường không chỉ có giá trị sử dụng mà còn chứa đựng những giá trị thẩm mỹ đáng quý. Cô dâu trong bộ váy Mường về nhà chồng vừa toát lên vẻ đẹp dung dị vừa khẳng định tài khéo léo của mình với mọi người. Đặc biệt, trong trang phục cưới, cô dâu khoác chiếc áo dài màu thâm mà không mặc chiếc áo trắng như trang phục hàng ngày. Điều này có thể hiểu là tránh sự nhòm ngó của ma quỷ sẽ bắt “mắt vía” của cô dâu. Bởi trong quan niệm của họ, họ luôn cho rằng ma quỷ thường thích những cái đẹp. Chính vì vậy, chiếc áo dài màu thâm che hết bộ trang phục mới lộng lẫy của cô dâu.

Khi về nhà chồng, cô dâu phải mang về một số đồ vật tự tay dệt như chăn, gối, nôi... Chăn có mặt phà đẹp là biểu hiện cho sự khéo léo, chăm chỉ của người con gái, nếu chăn không có mặt phà thì họ cho là lười biếng. Cô dâu còn phải mang về một cái “*trlặng*” (cái nôi) do ông/ bố của cô dâu đan tặng cháu/ con gái mình, với hàm ý mong muốn cháu/ con gái mình về nhà chồng làm tốt nhiệm vụ sinh con để ông bà có cháu nội,

cháu ngoại. Đây là nét rất khác biệt với người Mường ở các vùng khác.

Trước khi bước ra khỏi nhà để đi về nhà chồng, cô dâu không được ngoảnh mặt lại nhìn nhà của mình. Theo quan niệm, nếu nhìn lại, con gái đi lấy chồng sẽ không tốt và khó cư trú bên nhà chồng, đứt gánh giữa đường phải quay lại với bố mẹ. Khi cô dâu chuẩn bị rời nhà của mình, một người bác gái có tuổi trong họ cầm một cái nón đội lên đầu cho cô dâu, sau đó đưa cô dâu một con dao và dặn dò về nhà chồng phải biết cư xử. Họ quan niệm rằng cô dâu về nhà chồng phải có nón và dao vì đó là những vật dụng cần thiết trong những ngày đi làm; nó biểu hiện tính chủ động, không dựa dẫm vào chồng khi về làm dâu, đồng thời còn để trừ tà ma rui ro.

Thứ tự trong đoàn đưa dâu là *mở* đi trước tiên, rồi đến ông bà đưa dâu (người có tuổi bên họ nhà gái) và ông bà đón dâu, tiếp đến là khách đưa dâu, cô dâu, phù dâu, chú rể và phù rể cũng phải đi cùng với nhau.

Khi cô dâu về nhà chồng phải đi đúng đường mà hôm ăn hỏi *mở* và đoàn nhà trai đã đi, không được đi đường tắt vì sợ vợ chồng không đàng hoàng, lén lút, không chung thủy và không hạnh phúc về sau này. Còn những người khiêng đồ biếu của cô dâu không được dừng lại hoặc đặt đồ biếu xuống, không rẽ ngang vì sợ không tốt cho đôi vợ chồng sau này.

5.2. Cưới bên nhà trai

Ăn định được ngày cưới trong lễ ăn hỏi, nhà trai bắt đầu đi “*họp tiền*” - một hình thức góp họ của người Mường. “*Họp tiền*” bao hàm nhiều nghĩa: thông báo tin vui của gia đình cho họ hàng, làng xóm biết; nhờ người giúp sức. Điều đó còn thể hiện sự gắn bó cộng đồng.

Nhà trai cũng tổ chức đám cưới trong hai đến ba ngày, tùy theo khoảng cách từ nhà gái đến nhà trai. Lễ dẫn của diễn ra trước hôm tổ chức đám cưới một ngày. Nhà trai làm mâm cơm cúng trình báo tổ tiên, cầu mong mọi việc diễn ra tốt đẹp. Khoảng 8 - 9 giờ sáng, đoàn người dẫn của bắt đầu khởi hành; số người đi phải chẵn, không được lẻ. Đoàn người gồm có *mở*, ông chú, bà bác, em gái của chàng rể và một số người khiêng lễ vật, dắt trâu/ bò đến nhà gái. Trên đường đi, nếu qua làng khác thì thường bị chằng dây đón đường, khi đó *mở* đứng ra trình bày lý do của việc khiêng của, mời họ ăn trầu rồi nộp tiền chuộc đường, sau đó đoàn người lại vui vẻ lên đường. Đến gần nhà cô dâu, đoàn người đi chậm lại, sửa sang quần áo, xếp đặt lễ vật cho ngay ngắn rồi đi thẳng vào sân nhà gái.

Bên nhà gái đã cử người ra đón, đồng thời cử người ra xem lễ vật đã đầy đủ hay chưa, nếu thiếu nhà trai phải lo đủ như đã thoả thuận. Sau đó đại diện nhà gái mời cả đoàn nhà trai uống nước, ăn trầu và uống rượu cần với gia đình.

Trở về nhà, ông mối báo cáo lại với họ hàng nhà trai quá trình dẫn của, thông báo giờ được phép đón dâu (vào ngày hôm sau).

Buổi tối, ở gia đình nhà trai, khách khứa, bạn bè gần xa của chú rể và gia đình đến dự đông. Người ta tổ chức đánh cồng, hát “*thường rang, bộ mệng*”⁵, đối đáp chúc

tụng lẫn nhau. Đây cũng là dịp để trai gái gặp gỡ, trao đổi, hát ví, hát đúm giao duyên và tỏ tình. Nếu nhà trai gần nhà gái thì thanh niên bên nhà chú rể sang giao lưu với thanh niên bên nhà cô dâu.

Lễ đón dâu diễn ra vào ngày hôm sau. Buổi sáng sớm cỗ bàn đã được bày biện để đón khách đến dự cưới. Khách mời bên nhà trai tương tự như bên nhà gái, tùy thuộc vào mối quan hệ rộng hay hẹp mà số lượng khách đông hay ít.

Trong ngày cưới, nhà trai cũng như nhà gái đều đặt mâm cỗ cúng (đĩa xôi, thịt, bánh chưng, trầu, cau, thuốc lá) trên bàn thờ tổ tiên để báo với tổ tiên và mong tổ tiên phù hộ cho đôi trẻ. Cúng tổ tiên phải do người có uy tín về mo, có khả năng giao tiếp với thế giới bên kia làm chủ lễ.

Về thành phần đi đón dâu, có *mở*, một cụ ông, một cụ bà có uy tín trong họ, 1 hoặc 2 em gái và 1 đại diện có vai vế trong làng, bạn bè của chú rể đồng thời đội cồng chiêng cũng đi cùng để tấu nhạc. Đi đón dâu người ta chọn giờ sao cho khi đoàn đưa cô dâu đến nhà chồng vừa lúc chạng vạng tối - thời điểm tốt nhất trong ngày. Tục ngữ Mường có câu: “*Ti cháu buống trâu, ti du vàng mự*”, nghĩa là nhà trai đi đón dâu vào lúc thả trâu ra đồng (9 - 10 giờ sáng), còn cô dâu về nhà chồng lúc mặt trời lặn (5 - 6 giờ chiều).

Đến giờ đã chọn, đoàn người đi đón dâu tập trung trước cửa nhà, giàn cồng chiêng gióng lên một hồi 3 tiếng, dứt hồi cồng, đoàn người đi đón dâu bắt đầu lên đường. Dẫn đầu là *mở*, tiếp theo là những người cao tuổi và giàn cồng, cuối cùng là bạn bè chàng rể, phù rể. Tập quán quy định

⁵ *Thường rang* là một lối hát dân gian của người Mường, được hát trong các buổi mừng được mùa, mừng nhà mới, đám cưới. Bất cứ việc vui mừng nào diễn ra trong cuộc sống cộng đồng, người Mường đều hát *thường rang*. Nội dung của *thường rang* là những lời hay, ý đẹp ca ngợi cuộc sống, việc làm ăn phát đạt. *Bộ mệng* là hình thức hát giao duyên diễn tả tâm sự, tình yêu của tuổi trẻ.

đi đón dâu đều phải đi theo con đường chính, không ai được bỏ về giữa chừng. Khi nhà trai đến nhà gái, lễ cưới được thực hiện theo nghi thức của nhà gái như vừa đề cập ở trên. Trước lúc nhà trai xin đón dâu về, nhà gái mang rượu cần ra mời hai họ cùng uống, chúc phúc cho cô dâu, chú rể.

Khi đoàn đưa dâu về đến nhà trai, tất cả nhà trai ra đón và họ vác đôi mía⁶ cùng túi quần áo vào nhà và vắt ở dây cạnh buồng của cô dâu hàm ý nhằm báo tin với mọi người trong họ biết từ nay có con dâu mới. Cô dâu bắt đầu bước vào nhà chồng và đến chân cầu thang, em gái hoặc cô của chàng rử mức nước cho chị/ cháu dâu rửa chân. Mọi người cũng lần lượt rửa chân rồi đi lên nhà. Riêng cô dâu và phù dâu khi lên cầu thang không được bước vào bậc thứ nhất mà phải bước lên bó củi do nhà trai đặt sẵn rồi mới đi lên các bậc thang tiếp theo. Người Mường cho rằng làm như thế thì cô dâu sau này sẽ chăm chỉ làm lụng hơn. Bước vào trong nhà, cô dâu mới đi thẳng đến bên bếp lửa và quỳ xuống lạy Vua Bếp. Tiếp đó, cô dâu, chú rể cúi lạy tổ tiên ở bàn thờ gia tiên và những người lớn tuổi thuộc họ hàng nhà chú rể. Sau mỗi lần lạy như vậy, cô dâu, chú rể sẽ nhận được lời chúc và tiền mừng hoặc quà. Hành động đó thể hiện tình cảm của nhà chú rể đối với cô dâu mới. Còn cô dâu lấy khăn mặt đã chuẩn bị từ trước tặng cho anh, chị, em chú rể để thể hiện sự chăm sóc, quan tâm của mình đối với những người này.

Sau đó người ta tổ chức “lễ tơ hồng”, hay còn gọi là lễ “*com quen*”. Họ trải chiếu

⁶ Đôi mía hàm ý đôi vợ chồng sống bên nhau, hạnh phúc ngọt ngào như vị ngọt của mía và cũng từ đây đôi trai gái chính thức nên vợ nên chồng.

ở giữa nhà và đặt ở đó một mâm lễ gồm 1 quả trứng luộc cắt làm tư để trên 1 đĩa, 1 đĩa xôi, 1 nậm rượu đựng trong quả bầu khô, 1 bầu nước lã. *Mờ* cầm hai tay hai đôi đũa dơ lên qua đầu ba lần rồi đặt đũa xuống mâm. Lát sau, *mờ* quay lưng lại và nhắc đũa lên, rồi đưa chéo tay cho cô dâu, chú rể; và *mờ* đưa hai nắm xôi, hai miếng trứng cho hai người cũng theo cách chéo tay ấy. Tiếp theo, *mờ* cầm bầu nước rót vào bát cho hai người đó uống và khấn “ông tơ bà nguyệt se dây, se cho hai vợ chồng có con trai con gái; con gái thì cầm nông, cầm nia biết sảy lúa, con trai biết cày bừa, làm ăn phát tài, phát lộc để cho bố, cho mẹ, cho hai họ cùng mừng”.

Sau lễ tơ hồng, hai bên dùng bữa cơm thân mật bên nhà trai. Nếu cô dâu, chú rể là người cùng làng thì sau bữa cỗ, họ nhà gái ra về, còn cô dâu và phù dâu, một bà lớn tuổi ở lại, đến tối phù dâu và bà này ngồi trông đèn không cho đèn tắt để mong đôi vợ chồng đó nhận được sự che chở của mọi người, được sống bên nhau hạnh phúc đến già. Theo quan niệm của người Mường, nếu đèn tắt thì đôi vợ chồng sau này không còn được đầy đủ, có thể vợ hoặc chồng chết sớm. Và đêm đầu tiên bên nhà chồng, khoảng 10 giờ tối, bà đi đón dâu làm tiếp nhiệm vụ trải chiếu, chăn màn cho cô dâu ngủ, nằm một lúc thì bà giả tiếng gà gáy và gọi cô dâu dậy. Việc làm đó để nhắc nhở người con dâu phải biết dậy sớm để đi làm ruộng, không được lười biếng ngủ quên. Đây là một nét đẹp trong ứng xử của người Mường ở xóm Đa. Nếu ở làng xa, họ nhà gái sẽ ngủ lại. Tối hôm đó nam nữ thường hát giao duyên, đánh công trợn đêm. Sáng

hôm sau, nhà trai làm bữa cơm chia tay với bên nhà gái. Theo lệ Mường, khi nhà gái ra về, người ta để phù dâu ở lại “ngủ bạn” với cô dâu ba đêm. Những ngày sau này đôi vợ chồng trẻ chưa được phép “chung chăn gối”. Sau ba ngày cưới, hai vợ chồng trẻ cùng phù dâu quay lại nhà gái một ngày, gọi là “*ti mông*” (lại mặt); đến đây phù dâu hoàn thành nhiệm vụ. Đêm hôm đó hai vợ chồng trẻ mới chính thức động phòng.

Về phần người làm mối, sau bữa cơm chia tay vào buổi sáng ngày hôm sau lễ đón dâu, *mở* đứng trước hai bên gia đình tuyên bố rằng nhiệm vụ se duyên cho đôi trẻ đã xong. Sau đó đại diện nhà trai đem biếu *mở* một chân giò lợn đã được luộc chín⁷.

6. Tục lệ sau khi cưới

Sau khi cưới ba ngày, vào ngày thứ tư, cô dâu, chú rể và một đại diện họ nội đưa cô dâu về nhà gái lấy quần áo và cảm ơn bên nhà gái đã gửi gắm con gái mình về bên nhà trai để “*chiếm pố, chiếm mế*”, nghĩa là nuôi và chăm sóc bố, mẹ chồng. Tục lệ này gọi là lại mặt. Lễ vật trong ngày lại mặt rất đơn giản gồm một chai rượu đỏ, một chai rượu trắng biểu hiện cho hạnh phúc. Và nhà gái cũng làm cơm mời nhà trai. Kể từ ngày hôm đó, người con gái về hẳn bên nhà chồng. Hai gia đình thường xuyên đi lại để khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa hai gia đình. Từ đây, cứ mỗi lần làm lễ cơm mới và tết Nguyên đán, đôi vợ chồng phải mang lễ vật đến nhà bố

mẹ vợ với ý nghĩa trả công bố mẹ vợ đã sinh thành và nuôi dưỡng.

Kết luận

Tập quán cưới xin trong xã hội truyền thống của người Mường ở xóm Đa, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình được hình thành trên cơ sở là một nền văn hoá nông nghiệp thuần tuý đã chi phối đến việc tạo ra khuôn mẫu lý tưởng rất riêng về tiêu chuẩn người vợ, người chồng trong gia đình. Cưới xin của người Mường xưa kia ở xóm Đa không hẳn là kết quả của tình yêu trai gái mà do sự sắp đặt của cha mẹ thông qua nhiều nghi lễ phức tạp. Việc cưới xin của đồng bào còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố tín ngưỡng như xem tuổi, cô dâu phải khoác một cái áo màu thâm ra ngoài để tránh ma, lạy Vua Bép... Tục cưới xin của người Mường ở xóm Đa đòi hỏi không ít về thời gian, công sức. Các nghi lễ diễn ra trong đám cưới là những nét riêng, độc đáo của dân tộc, thể hiện ước vọng có một cuộc sống ấm no, gắn bó, hạnh phúc trong tương lai của đôi vợ chồng trẻ. Bên cạnh đó, các hoạt động sinh hoạt văn hoá diễn ra trong lễ cưới như hát *thường rang, bộ mệng*... thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời của người Mường.

Tuy nhiên, cũng do nhiều lý do khác nhau mà đám cưới của người Mường ở xóm Đa còn một số mặt hạn chế nhất định như việc thách cưới cao, tổ chức ăn uống linh đình dài ngày gây tốn kém cho gia đình nhà trai, nạn tảo hôn... Nhìn chung, lễ cưới cổ truyền của người Mường ở xóm Đa có nhiều nét tương đồng với lễ cưới cổ truyền của người Mường nói chung và đậm nét văn hoá truyền thống.

⁷ Ở Mường Bi *mở* còn được biếu thêm một khâu đuôi lợn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Song Hà (2010), “Vai trò của *chí mờ* trong hôn nhân truyền thống của người Mường ở Hòa Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 34-42.
2. Dương Hà Hiếu (2002), “Tục cưới xin của người Mường ở Thanh Sơn, Phú Thọ”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 69-72.
3. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2003), *Người Mường ở Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
4. Hoàng Anh Nhân (1986), *Tuyển tập truyện thơ Mường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đặng Văn Nung, Vương Anh, Hoàng Anh Nhân (1988), *Đề đất đẽ nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Thanh (1999), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở Phú Thọ*, Luận án Tiến sĩ Sử học.



Nhà trai mang lễ vật đến nhà gái trong đám cưới của người Mường ở xóm Đa, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Ảnh: Nguyễn Thẩm Thu Hà